

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẦU NGANG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 89/2023/HNGĐ-ST.

Ngày 28/8/2023.

“V/v Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU NGANG TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lý Thanh Lâm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Được.

Ông Nguyễn Tấn Sĩ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Đây, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Tấn An – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Ngang, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2023/TLST-HNGĐ, ngày 31/5/2023, về việc “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 148/2023/QĐXXST-HN, ngày 02/8/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 78/2023/QĐST-HN, ngày 17/8/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Thạch Thị Chane T, sinh năm 1976. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Có mặt.

Bị đơn: Anh Thạch Sa R, sinh năm 1975. Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Vắng mặt lần thứ 2, không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử nguyên đơn chị Thạch Thị Chane T trình bày:

- Về hôn nhân: Chị và anh Sa R xác lập hôn nhân vào năm 1992, đến nay không có đăng ký kết hôn, lý do không am hiểu quy định pháp luật nên không đi đăng ký. Khi tiến đến hôn nhân, chị và anh R do mai mối và đồng ý tiến hành lễ cưới theo phong tục tập quán. Nữ trang ngày cưới đã bán hết không còn.

Quá trình chung sống, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh R không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ nhà đi thường xuyên, anh tham gia đánh bài, uống rượu, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị khuyên nhiều lần nhưng anh không từ bỏ, sự việc kéo dài đến năm 2015 anh R tiếp tục đánh bài gây ra nợ nần chị gánh trả hơn 20.000.000 đồng, nhưng anh không khắc phục mà tiếp tục cầm cố đất ruộng, bán máy cày để lấy tiền đi đánh bài, chơi Casino ở Campuchia thua hết tiền, chị phải đi làm kiếm tiền chuộc lại tài sản. Chị và anh R sống ly thân từ năm 2015 đến nay, anh bỏ nhà đi ít về thăm chị và con, đến tháng 5 năm 2023 anh về nhà cùng chị đi đến Tòa án làm thủ tục ly hôn, anh có viết bản tự khai nộp rồi sau đó tiếp tục bỏ đi. Chị thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được. Nay chị yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh R.

- *Về nuôi con*: Chị và anh R chung sống sinh 02 người con tên Thạch Thị T1, sinh ngày 09/12/1994 (đã có chồng) và Thạch Thị T2, sinh ngày 01/01/1997 (đã có việc làm), do các con đã thành niên nên chị không đặt ra yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung vợ chồng và số nợ phải thu, phải trả*: Chị không tranh chấp, không khởi kiện. Ngoài ra chị không có yêu cầu gì khác.

Tại phiên tòa xét xử lần thứ 02, bị đơn anh Thạch Sa R vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

Lời phát biểu của Kiểm sát viên:

- *Về việc tuân theo pháp luật*: Thủ tục thụ lý hồ sơ vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định người tham gia tố tụng, thành phần tham gia phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm đều đúng quy định pháp luật. Các văn bản tố tụng từ khi nhận đơn khởi kiện đến khi Quyết định đưa vụ án ra xét xử đều tổng đạt đầy đủ. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng trình tự thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về giải quyết vụ án*: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của chị T, tuyên bố không công nhận chị T và anh R là vợ chồng, do các con đã thành niên nên không đặt ra yêu cầu giải quyết, về tài sản chung và số nợ phải thu, phải trả do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện nên không giải quyết, buộc chị T nộp 300.000 đồng án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Xét thấy anh Thạch Sa R là bị đơn trong vụ án, tại phiên tòa lần thứ hai anh R vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Xét thấy chị Thạch Thị Chane T khởi kiện anh Thạch Sa R yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh R, ngoài ra chị T không yêu cầu gì khác. Căn cứ khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự,

xác định quan hệ pháp luật giải quyết là “Tranh chấp ly hôn”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

- *Về hôn nhân*: Xét thấy chị T và anh R chung sống với nhau từ năm 1992 đến nay nhưng chị T và anh R không đến UBND xã nơi anh hoặc nơi chị cư trú để đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, từ đó xác định đây là hôn nhân không hợp pháp. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn.

Chị Thạch Thị Chane T khai: Quá trình chung sống, đến năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn, lý do anh R không quan tâm đến cuộc sống gia đình, bỏ nhà đi thường xuyên, anh tham gia đánh bài, uống rượu, quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, chị khuyên nhiều lần nhưng anh không từ bỏ, sự việc kéo dài đến năm 2015 anh R tiếp tục đánh bài gây ra nợ nần chị gánh trả hơn 20.000.000 đồng, nhưng anh không khắc phục mà tiếp tục cầm cố đất ruộng, bán máy cày để lấy tiền đi đánh bài, chơi Casino ở Campuchia thua hết tiền, chị phải đi làm kiếm tiền chuộc lại tài sản. Chị và anh R sống ly thân từ năm 2015 đến nay, anh bỏ nhà đi ít về thăm chị và con, nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không hàn gắn lại được và yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh R.

Đối với anh Thạch Sa R: Tòa án giao Thông báo thụ lý vụ án và Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho người thân anh R nhận, đồng thời thông báo qua điện thoại cho anh R biết để anh tham gia tố tụng thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải anh R đều vắng mặt không có lý do nên phiên hòa giải đoàn tụ không tiến hành được, tuy nhiên tại bản tự khai đề ngày 25/5/2023 anh R đồng ý ly hôn với chị T, hôm nay tại phiên tòa lần 02 anh R tiếp tục vắng mặt, từ đó cho thấy khả năng hàn gắn đoàn tụ vợ chồng là không có kết quả.

Xét thấy chị T và anh R xác lập hôn nhân vào năm 1992, anh chị có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, nhưng chị T, anh R không đi đăng ký kết hôn. Trong thời gian từ ngày 01/01/2001 đến ngày 01/01/2003 Nhà nước đã tuyên truyền phát động việc đăng ký kết hôn quá hạn, chị T, anh R vẫn không đi đăng ký kết hôn mà lại tiếp tục chung sống với nhau như vợ chồng cho đến nay là vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, điểm b khoản 3 Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khoá X, nên không được pháp luật công nhận là vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị T yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn với anh R là không thể chấp nhận được. Do chị T và anh R không đăng ký kết hôn, Hội đồng xét xử quyết định tuyên bố không công nhận chị T và anh Sa R là vợ chồng, là đúng quy định khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- *Về nuôi con*: Xét thấy chị T và anh R chung sống sinh 02 người con tên Thạch Thị T1, sinh ngày 09/12/1994 (đã có chồng) và Thạch Thị T2, sinh ngày 01/01/1997 (đã có việc làm). Do các con đã thành niên nên chị T không đặt ra yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về tài sản chung*: Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay Tòa án đã giải thích Điều 59 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Do các đương sự không tranh chấp, không khởi kiện, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

- *Về số nợ phải thu, phải trả*: Chị T và anh R không tranh chấp, không khởi kiện, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc chị Thạch Thị Chane T nộp 300.000 đồng án phí.

[5]. Xét lời của Kiểm sát viên phát biểu về trình tự thủ tục tố tụng và hướng giải quyết vụ án nêu trên là phù hợp với quy định pháp luật và được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, các Điều 147, 228, 235, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14 và Điều 53 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ điểm b khoản 3 của Nghị quyết số: 35/2000/QH10 - Quốc hội khoá X, tại kỳ họp thứ 7 từ ngày 09 tháng 05 đến ngày 09 tháng 6 năm 2000.

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của chị Thạch Thị Chane T.

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Thạch Thị Chane T và anh Thạch Sa R là vợ chồng.

2. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Buộc Thạch Thị Chane T có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng, nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí do chị T nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0015751, ngày 25/5/2023 cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Ngang thu. Chị Thạch Thị Chane T đã nộp đủ án phí.

3. Về quyền kháng cáo:

- Chị Thạch Thị Chane T có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Anh Thạch Sa R vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 02 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự”./

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi Cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Lý Thanh Lâm